

Một số ý kiến về khoản 2 Điều 410 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2004

Bành Quốc Tuấn*

Khoa Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Nhận ngày 16 tháng 6 năm 2009

Tóm tắt. Trên cơ sở nghiên cứu các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2004 và các văn bản pháp luật khác có liên quan, tác giả bài viết có một số ý kiến về hoàn thiện khoản 2 Điều 410 của Bộ Luật tố tụng dân sự Việt Nam năm 2004 liên quan đến thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài.

1. Đặt vấn đề

Tư pháp quốc tế là một bộ phận của pháp luật quốc tế có đối tượng điều chỉnh là các quan hệ dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài. Trên thế giới, Tư pháp quốc tế là một lĩnh vực khoa học pháp lý tương đối độc lập, một bộ phận không thể thiếu trong hệ thống pháp luật của các quốc gia và vai trò này ngày càng trở nên quan trọng ở bất kỳ quốc gia nào do nhu cầu giao lưu quốc tế, phát triển. Các ngành luật quốc nội như: Luật dân sự, Luật thương mại... điều chỉnh các quan hệ của mình một cách trực tiếp và đơn giản. Ví dụ như chỉ cần tìm các quy định cụ thể áp dụng giải quyết đúng địa chỉ của quan hệ pháp luật cụ thể. Nhưng nếu các quan hệ này lại có một hoặc vài yếu tố nước ngoài tham gia tất yếu các quan hệ đó sẽ phụ thuộc vào sự điều chỉnh của hai hay nhiều hệ thống pháp luật và đương nhiên vấn đề lựa chọn một hệ thống pháp luật điều chỉnh là rất cần thiết. Xung đột pháp luật sẽ xảy ra khi hai hay nhiều hệ thống pháp luật đồng thời đều có thể áp dụng để điều chỉnh một quan hệ pháp luật này hay

quan hệ pháp luật khác. Vấn đề cần phải giải quyết là chọn một trong các hệ thống pháp luật đó để áp dụng giải quyết quan hệ pháp luật đó.

Ở Việt Nam, trong giai đoạn hội nhập ngày nay ngày càng mạnh mẽ vào hoạt động kinh tế thế giới, các mối quan hệ dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài xuất hiện ngày càng nhiều và ngày càng phức tạp đặt ra yêu cầu phải được điều chỉnh bởi pháp luật. Đáp ứng yêu cầu trên, những quy định của pháp luật nội dung điều chỉnh các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài đang dần dần được hoàn thiện trong hàng loạt các văn bản pháp luật quan trọng như Bộ Luật dân sự 2005, Bộ Luật hàng hải 2005, Luật Đầu tư 2005, Luật doanh nghiệp 2005 [1], Luật thương mại 2005... Và cùng với luật nội dung, những quy định của luật thủ tục liên quan đến tư pháp quốc tế cũng ra đời tương ứng để giải quyết các tranh chấp phát sinh. Quốc hội đã ban hành nhiều văn bản pháp luật quan trọng quy định về thẩm quyền giải quyết các tranh chấp dân sự có yếu tố nước ngoài, trong đó đặc biệt là Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2004 [2] đã giành một bộ phận xứng đáng các điều luật quy định thẩm quyền xét xử của Tòa án Việt Nam đối với các tranh chấp dân sự có yếu tố nước ngoài.

*ĐT: 84-08-7220850.

E-mail: thaiha@yahoo.com



Trước ngày Bộ Luật tố tụng dân sự 2004 có hiệu lực, trong hệ thống pháp luật Việt Nam có Pháp lệnh thủ tục giải quyết các tranh chấp dân sự, Điều 83 quy định: “Người nước ngoài, pháp nhân nước ngoài có quyền khởi kiện tại các tòa án của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và tham gia tố tụng theo quy định của pháp lệnh này”. Đây là quy định hết sức chung chung, vì chỉ quy định người nước ngoài “có quyền” nhưng không nói rõ khi nào có quyền và thực hiện quyền này như thế nào. Với Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2004, lần đầu tiên thẩm quyền của tòa án Việt Nam đối với việc xét xử các vụ án dân sự có yếu tố nước ngoài được quy định một cách toàn diện, đầy đủ và hướng tới sự tương thích với các chuẩn mực pháp lý chung của thế giới. Những tiêu chí xác định thẩm quyền của tòa án Việt Nam đối với những vụ việc có yếu tố nước ngoài đã được cụ thể hóa. Theo các quy định của Bộ luật này thì không phải bất kỳ quan hệ có yếu tố nước ngoài nào cũng được Tòa án Việt Nam giải quyết. Có những trường hợp thuộc thẩm quyền tài phán của tòa án Việt Nam, có những trường hợp Tòa án Việt Nam không có thẩm quyền xét xử dù quan hệ có yếu tố nước ngoài đó có liên quan chặt chẽ với Việt Nam.

Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2004 đã giành phần thứ chín quy định về “Thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài và tương trợ tư pháp trong tố tụng dân sự”. Phần thứ chín gồm 3 chương (từ chương XXXIV đến chương XXXVI) và 14 điều luật (từ Điều 405 đến Điều 418). Trong phạm vi bài viết này, tác giả chỉ đề cập đến một số trường hợp cụ thể quy định tại khoản 2 Điều 410 “Quy định chung về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài” thuộc chương XXXV Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2004.

2. Phân tích khoản 2 Điều 410 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2004

Khoản 2 Điều 410 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2004 áp dụng phương pháp liệt kê những trường hợp mà Tòa án Việt Nam có thẩm quyền

giải quyết đối với các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài. Bao gồm các trường hợp sau đây:

- Bị đơn là cơ quan, tổ chức nước ngoài. Điểm a khoản 2 Điều 410 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2004 quy định: Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài trong trường hợp “Bị đơn là cơ quan, tổ chức nước ngoài có trụ sở chính tại Việt Nam hoặc bị đơn có cơ quan quản lý, chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam”.

Theo quy định này, Tòa án Việt Nam có thẩm quyền giải quyết quan hệ dân sự có cơ quan, tổ chức nước ngoài tham gia khi cơ quan, tổ chức nước ngoài là bị đơn (bị khởi kiện) và phải có trụ sở chính tại Việt Nam hoặc có cơ quan quản lý tại Việt Nam. Quy định này là hoàn toàn cần thiết trong điều kiện hiện nay khi có nhiều cơ quan, tổ chức nước ngoài hoạt động tại Việt Nam và phát sinh tranh chấp trong quá trình tham gia các quan hệ pháp luật tại Việt Nam. Theo quy định của Luật doanh nghiệp 2005, doanh nghiệp có quốc tịch Việt Nam khi đăng ký kinh doanh tại Việt Nam⁽¹⁾. Như vậy, trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký kinh doanh ở nước ngoài (có quốc tịch nước ngoài) nhưng có trụ sở chính ở Việt Nam thì các đối tác của doanh nghiệp vẫn có quyền khởi kiện doanh nghiệp nước ngoài đó tại Tòa án Việt Nam, nếu không có quy định này các doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải khởi kiện tại tòa án nước ngoài, sẽ khó khăn và phức tạp hơn rất nhiều.

Theo quy định này Tòa án Việt Nam chỉ có thẩm quyền giải quyết trong trường hợp này khi phía khởi kiện là bên Việt Nam (bên cơ quan, tổ chức nước ngoài là bị đơn), còn nếu cơ quan, tổ chức nước ngoài là bên khởi kiện (là nguyên đơn) thì Tòa án Việt Nam không có thẩm quyền giải quyết. Tòa án Việt Nam cũng có quyền giải quyết vụ việc khi bị đơn là cơ quan, tổ chức nước ngoài nhưng có chi nhánh, văn phòng đại diện ở Việt Nam. Tuy nhiên, điều luật không

⁽¹⁾ Khoản 20 Điều 4 Luật doanh nghiệp Việt Nam năm 2005 quy định: “Quốc tịch của doanh nghiệp của nước, vùng lãnh thổ nơi doanh nghiệp thành lập kinh doanh”.



nói rõ tòa án Việt Nam có thẩm quyền giải quyết đối với tất cả các vụ việc phát sinh có liên quan đến chi nhánh, văn phòng đại diện ở Việt Nam của cơ quan, tổ chức nước ngoài hay chỉ trong một số trường hợp cụ thể. Và cũng tương tự như trên, Tòa án Việt Nam chỉ có thẩm quyền giải quyết trong trường hợp này khi phía khởi kiện là bên Việt Nam (bên chi nhánh, văn phòng đại diện ở Việt Nam của cơ quan, tổ chức nước ngoài là bị đơn), còn nếu chi nhánh, văn phòng đại diện ở Việt Nam của cơ quan, tổ chức nước ngoài là bên khởi kiện (là nguyên đơn) thì Tòa án Việt Nam không có thẩm quyền giải quyết.

- Bị đơn là người nước ngoài. Điểm b khoản 2 Điều 410 Bộ Luật tố tụng dân sự 2004 quy định: Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài trong trường hợp “Bị đơn là công dân nước ngoài, người không quốc tịch cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài tại Việt Nam hoặc có tài sản trên lãnh thổ Việt Nam”.

Bộ luật quy định Tòa án Việt Nam có thẩm quyền giải quyết khi bị đơn người nước ngoài có nơi “cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài tại Việt Nam” hoặc “có tài sản trên lãnh thổ Việt Nam”. Trong pháp luật Việt Nam hiện nay, người nước ngoài có nơi “cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài tại Việt Nam” được xem là người nước ngoài thường trú tại Việt Nam. Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài quy định: “Người nước ngoài thường trú tại Việt Nam là công dân nước ngoài và người không quốc tịch cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài ở Việt Nam”. Điều này có nghĩa là khi bị đơn nước ngoài chỉ có nơi “tạm trú” tại Việt Nam thì tòa án Việt Nam không có thẩm quyền giải quyết. Như vậy, theo quy định này, tòa án Việt Nam chỉ có thẩm quyền giải quyết vụ việc khi bên người nước ngoài là bị đơn, còn nếu bên người nước ngoài là nguyên đơn thì tòa án Việt Nam không có thẩm quyền giải quyết. Và điều kiện thứ hai là bên người nước ngoài phải thường trú tại Việt Nam. Quy định này trái với

một số điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Ví dụ: Điều 18 Hiệp định tương trợ tư pháp Việt Nam - Trung Quốc quy định: “Tòa án của một trong hai bên ký kết ra quyết định sẽ được coi là có thẩm quyền đối với vụ việc, nếu bị đơn có nơi thường trú hoặc tạm trú trên lãnh thổ của bên ký kết đó tại thời điểm bắt đầu tiến hành trình tự tố tụng”. Trong trường hợp này quy định của điều ước quốc tế sẽ được ưu tiên áp dụng, nghĩa là sẽ có những trường hợp tòa án Việt Nam có thẩm quyền xét xử dù bị đơn nước ngoài chỉ có nơi tạm trú trên lãnh thổ Việt Nam.

Trường hợp thứ hai, người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam thì phải có tài sản trên lãnh thổ Việt Nam. Với việc hội nhập ngày càng mạnh mẽ vào hoạt động kinh tế thế giới, việc mở rộng phạm vi các quan hệ người nước ngoài được tham gia tại Việt Nam thì việc phát sinh ngày càng nhiều tài sản của người nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam là điều tất yếu. Trong trường hợp này, khi người nước ngoài là bị đơn trong vụ tranh chấp thì vụ việc mới thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án Việt Nam vì một lẽ đương nhiên nếu người nước ngoài là nguyên đơn mà tài sản không nằm trên lãnh thổ Việt Nam và cũng không có nơi thường trú ở Việt Nam thì Tòa án Việt Nam không có cơ sở và cũng không thể thực hiện được quyền tài phán của mình. Tài sản của người nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam không phân biệt là động sản hay bất động sản, nghĩa là chỉ cần tài sản nằm trên lãnh thổ Việt Nam thì Tòa án Việt Nam có thẩm quyền giải quyết tranh chấp không cần biết bị đơn là người nước ngoài cư trú hay không cư trú tại Việt Nam. Quy định này khác biệt so với nguyên tắc xác định tòa án theo lãnh thổ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2004 “Tòa án nơi có bất động sản có thẩm quyền giải quyết những tranh chấp về bất động sản” còn nếu tài sản liên quan đến tranh chấp không phải là bất động sản thì thuộc thẩm quyền của Tòa án nơi cư trú của bị đơn mà không cần biết tài sản đó đang ở đâu.

- Nguyên đơn là người nước ngoài
khoản 2 Điều 410 Bộ luật tố tụng dân



2004 quy định: Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài trong trường hợp “Nguyên đơn là công dân nước ngoài, người không quốc tịch cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài tại Việt Nam đối với vụ việc dân sự về yêu cầu đòi tiền cấp dưỡng, xác định cha mẹ”.

Như vậy, khi bên nước ngoài là nguyên đơn thì Tòa án Việt Nam chỉ có thẩm quyền giải quyết vụ việc trong một số trường hợp cụ thể là “yêu cầu đòi tiền cấp dưỡng, xác định cha mẹ” và người nước ngoài phải “cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài tại Việt Nam”. Quy định này là hoàn toàn hợp lý vì những vụ việc này liên quan đến nhân thân của các đương sự trong vụ việc cũng như những chủ thể khác có liên quan, nên khi vụ việc xảy ra liên quan đến các chủ thể hiện đang có mặt tại Việt Nam thì bên người nước ngoài hoàn toàn có quyền khởi kiện tại Tòa án Việt Nam để yêu cầu Tòa án Việt Nam giải quyết. Quy định này tạo điều kiện thuận lợi để bên nước ngoài bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình đồng thời cũng tạo điều kiện thuận lợi cho tòa án Việt Nam xác minh vụ việc, điều tra, thu thập chứng cứ cũng như áp dụng các biện pháp ngăn chặn cần thiết trong quá trình giải quyết vụ việc. Trong các trường hợp khác, khi phía nguyên đơn là người nước ngoài thì tòa án Việt Nam không có thẩm quyền giải quyết dù vụ việc có thể có yếu tố liên quan đến Việt Nam.

Trong cả ba trường hợp trên thì Tòa án Việt Nam có thẩm quyền giải quyết mà không cần biết vụ việc xảy ra bên trong hay bên ngoài lãnh thổ Việt Nam, căn cứ để xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ đó theo hoặc không theo pháp luật Việt Nam. Điều kiện để xác định thẩm quyền của Tòa án Việt Nam là nơi thường trú của bên nước ngoài (phải ở tại Việt Nam) và tư cách của bên nước ngoài trong vụ việc (phải là bị đơn hoặc nguyên đơn trong một số trường hợp cụ thể).

- Quan hệ theo pháp luật Việt Nam. Điểm d khoản 2 Điều 410 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2004 quy định: Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài trong trường hợp “Vụ việc dân sự về quan hệ dân sự mà căn cứ để xác lập, thay đổi, chấm dứt quan

hệ đó theo pháp luật Việt Nam ..., nhưng có ít nhất một trong các đương sự là cá nhân, cơ quan, tổ chức nước ngoài”.

Theo quy định này Tòa án Việt Nam có thẩm quyền giải quyết khi bên nước ngoài không có trụ sở chính, cơ quan quản lý, chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam (đối với cơ quan, tổ chức) hoặc không có nơi thường trú ở Việt Nam (đối với cá nhân) nhưng căn cứ để xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ đó theo pháp luật Việt Nam. Tư cách của bên nước ngoài trong quan hệ cũng không cần được xác định trong trường hợp này. Quy định này là hợp lý vì nếu trong trường hợp cơ quan, tổ chức có trụ sở chính, cơ quan quản lý, chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài hoặc cá nhân có nơi thường trú ở nước ngoài mà căn cứ để xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ đó không theo pháp luật Việt Nam thì Tòa án Việt Nam không có cơ sở để giải quyết và cũng không có điều kiện để giải quyết khi một trong hai bên hoặc cả hai bên yêu cầu Tòa án Việt Nam giải quyết vụ việc.

Trong trường hợp này, trước khi xác định thẩm quyền xét xử Tòa án Việt Nam cần phải xác định luật áp dụng cho quan hệ này có phải là pháp luật Việt Nam hay không, bởi vì nếu căn cứ xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ này không theo pháp luật Việt Nam thì Tòa án Việt Nam không có thẩm quyền giải quyết. Một số quan điểm cho rằng khi áp dụng quy định này dường như chúng ta đã đi ngược lại nguyên tắc giải quyết xung đột pháp luật và giải quyết xung đột thẩm quyền xét xử. Ở đây, theo tác giả Đỗ Văn Đại, Tòa án phải biết luật (nội dung) áp dụng cho quan hệ này có phải là luật Việt Nam hay không rồi mới xác định thẩm quyền xét xử. Nếu luật (nội dung) áp dụng là luật Việt Nam thì Tòa án Việt Nam mới có thẩm quyền xét xử.

- Quan hệ xảy ra ở Việt Nam. Điểm d khoản 2 Điều 410 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2004 quy định: Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài trong trường hợp “Vụ việc dân sự về quan hệ dân sự mà căn cứ để xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ đó xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam, nhưng



một trong các đương sự là cá nhân, cơ quan, tổ chức nước ngoài”.

Cũng tương tự như trường hợp trên, tòa án Việt Nam có thẩm quyền giải quyết khi bên nước ngoài không có trụ sở chính, cơ quan quản lý, chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam (đối với cơ quan, tổ chức) hoặc không có nơi thường trú ở Việt Nam (đối với cá nhân) nhưng căn cứ để xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ đó phải xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam. Ví dụ: Một công ty du lịch M tổ chức du lịch cho một số công dân của nước Thái Lan (gồm A, B, C, D) tại Việt Nam. Trong một lần đi du thuyền trên sông Cửu Long thì du thuyền bị đắm và ông B là công dân Thái Lan bị chết đuối. Ông E là con ông B hiện đang làm việc tại Việt Nam muốn kiện công ty M ra tòa án Việt Nam để được bồi thường thiệt hại về tinh thần. Trong trường hợp này, sự việc đã xảy ra ở Việt Nam và có ít nhất một bên đương sự (ông E) là người nước ngoài nên Tòa án Việt Nam có thẩm quyền giải quyết. Quy định này là một bước tiến bộ của pháp luật Việt Nam về thẩm quyền xét xử của tòa án Việt Nam đối với các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài trong điều kiện Việt Nam ngày càng mở rộng quan hệ với các quốc gia, tổ chức quốc tế, những quan hệ dân sự mà một bên hoặc cả hai bên tham gia đều là nước ngoài được thực hiện tại Việt Nam diễn ra ngày càng phổ biến.

- Quan hệ theo pháp luật nước ngoài. Điểm đ khoản 2 Điều 410 Bộ Luật tố tụng dân sự 2004 quy định: Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài trong trường hợp “Vụ việc dân sự về quan hệ dân sự mà căn cứ để xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ đó ... theo pháp luật nước ngoài, nhưng các đương sự đều là công dân, cơ quan, tổ chức Việt Nam và nguyên đơn hoặc bị đơn cư trú tại Việt Nam”.

Trong trường hợp này căn cứ để xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài theo pháp luật nước ngoài nhưng các chủ thể tham gia đều là chủ thể Việt Nam và có ít nhất một bên cư trú tại Việt Nam. Quy định này là đặc biệt quan trọng trong điều kiện

nền kinh tế thị trường Việt Nam đã chuyển sang giai đoạn phát triển mới, vận hành với quy mô ngày càng lớn và tốc độ ngày càng nhanh. Việt Nam không chỉ đón nhận các hoạt động từ bên ngoài vào mà bắt đầu mở rộng các hoạt động kinh tế sang lãnh thổ các nước khác, các quan hệ do chủ thể Việt Nam thiết lập ở nước ngoài cũng diễn ra ngày càng nhiều. Ví dụ: Doanh nghiệp Việt Nam A có chi nhánh ở Canada. C là công dân Việt Nam làm ăn, sinh sống ở Canada. Doanh nghiệp A và C ký kết một giao dịch ở Canada và thực hiện giao dịch ở Canada (ví dụ một hợp đồng lao động). Các bên không thỏa thuận về luật áp dụng cho giao dịch. Áp dụng Điều 679 Bộ Luật dân sự 2005 “Quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được xác định theo pháp luật của nước nơi thực hiện hợp đồng, nếu không có thỏa thuận khác”. Vậy giao dịch trên được điều chỉnh bởi pháp luật Canada hay nói cách khác căn cứ để xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ dân sự này theo pháp luật Canada, không phải là pháp luật Việt Nam. Vì các bên đều là Việt Nam và một bên có trụ sở ở Việt Nam nên căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 410 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2004, nếu xảy ra tranh chấp, Tòa án Việt Nam có thẩm quyền giải quyết.

- Quan hệ xảy ra ở nước ngoài. Điểm đ khoản 2 Điều 410 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2004 quy định: Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài trong trường hợp “Vụ việc dân sự về quan hệ dân sự mà căn cứ để xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ đó ... xảy ra ở nước ngoài, nhưng các đương sự đều là công dân, cơ quan, tổ chức Việt Nam và nguyên đơn hoặc bị đơn cư trú tại Việt Nam”. Ví dụ: A là công dân Việt Nam, cư trú tại Việt Nam, sang nước T du lịch, B cũng là công dân Việt Nam nhưng cư trú, làm ăn ở nước T. Trong một lần lưu thông tại nước T, xe của B va vào xe của A gây ra thiệt hại. Sự việc này xảy ra ở nước ngoài, cả hai đương sự đều là công dân Việt Nam và một bên cư trú tại Việt Nam nên tòa án Việt Nam có thẩm quyền giải quyết.

Tuy nhiên, trong hai quy định trên Việt Nam tham gia có thể là cá nhân



chức nhưng quy định của luật sử dụng thuật ngữ “cư trú”. Quy định này không rõ ràng vì nơi cư trú chỉ giành cho cá nhân chứ không giành cho tổ chức, điều này dẫn đến có thể có nhiều cách hiểu khác nhau và sẽ có những trường hợp không thể áp dụng trên thực tế.

Ví dụ: doanh nghiệp A và doanh nghiệp B đều là doanh nghiệp Việt Nam, cạnh tranh trên thị trường Mỹ. Doanh nghiệp A đã sử dụng một số biện pháp cạnh tranh tại thị trường Mỹ mà doanh nghiệp B cho là không lành mạnh. Nhằm buộc bên A phải bồi thường những thiệt hại gây ra do hành vi này, doanh nghiệp B đã kiện doanh nghiệp A trước tòa án Việt Nam. Sự việc xảy ra ở nước ngoài, các bên đều là pháp nhân Việt Nam, trụ sở chính ở Việt Nam nhưng liệu tòa án Việt Nam có thẩm quyền xét xử hay không?

3. Nhận xét và ý kiến đề xuất

Về cơ bản chúng ta có thể nhận xét quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự 2004 tại khoản 2 Điều 410 đã liệt kê tương đối cụ thể các trường hợp tòa án Việt Nam thẩm quyền chung giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài, những quy định này nhìn chung phù hợp với các chuẩn mực chung của pháp luật quốc tế, góp phần tạo điều kiện thuận lợi để tòa án Việt Nam tham gia vào toàn bộ cơ chế điều chỉnh của pháp luật Việt Nam đối với các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài. Bởi vì sau khi biết được tòa án Việt Nam có thẩm quyền, việc xác định tòa án cấp nào và nơi nào có thẩm quyền xét xử được giải quyết như một vụ việc dân sự bình thường trong nước. Vì vậy, vấn đề cơ bản là xác định vụ việc dân sự đó có thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án Việt Nam hay không. Điều này cho thấy vai trò quan trọng của bộ phận pháp luật điều chỉnh thẩm quyền của tòa án trong giải quyết các mối quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài của Tư pháp quốc tế Việt Nam.

Tuy nhiên, qua phân tích cụ thể các quy định của khoản 2 Điều 410 Bộ Luật tố tụng dân sự 2004 chúng ta thấy nhiệm vụ tiếp tục nghiên cứu, phát triển các quy định này để chúng ngày càng phát huy vai trò của mình trong thực tiễn

điều chỉnh các mối quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài là hoàn toàn cần thiết, đặc biệt là trong điều kiện hiện nay. Trong phạm vi bài viết tác giả xin có vài ý kiến đóng góp để góp phần hoàn thiện quy định về thẩm quyền xét xử dân sự quốc tế của tòa án Việt Nam.

Thứ nhất, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 410 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2004: Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài trong trường hợp “Bị đơn là cơ quan, tổ chức nước ngoài có trụ sở chính tại Việt Nam hoặc bị đơn có cơ quan quản lý, chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam”. Theo quy định này tòa án Việt Nam có quyền giải quyết tất cả các vụ việc mà bị đơn là tổ chức nước ngoài có chi nhánh, văn phòng đại diện ở Việt Nam. Dấu hiệu để xác định thẩm quyền của tòa án Việt Nam trong trường hợp này cơ quan, tổ chức nước ngoài là bị đơn trong vụ việc và có chi nhánh, văn phòng đại diện ở Việt Nam. Đây là một quy định chưa xác với thực tế và thiếu tính khả thi bởi một lý do cơ bản là không có một mối liên hệ nào giữa tư cách bị đơn của cơ quan, tổ chức nước ngoài với các chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan, tổ chức nước ngoài đó tại Việt Nam. Ví dụ: Một công ty Hàn Quốc có chi nhánh tại Việt Nam. Trong quá trình hoạt động, công ty Hàn Quốc có thuê một số căn nhà tại Hàn Quốc của công dân Hàn Quốc làm trụ sở của công ty và đã phát sinh một tranh chấp về hợp đồng thuê nhà này. Các công dân Hàn Quốc đã khởi kiện công ty Hàn Quốc. Vụ việc này tòa án Việt Nam không thể có thẩm quyền giải quyết dù công ty Hàn Quốc có chi nhánh tại Việt Nam và là bị đơn trong vụ việc.

Thực tế cho thấy trong quá trình tồn tại và hoạt động các cơ quan, tổ chức nước ngoài tham gia vào rất nhiều mối quan hệ khác nhau, có những mối quan hệ có mối liên hệ với Việt Nam nhưng tòa án Việt Nam không thể tham gia với tư cách là cơ quan có thẩm quyền giải quyết vì không có cơ sở và điều kiện. Nếu áp dụng quy định này vào thực tiễn sẽ gây khó khăn cho tòa án Việt Nam trong quá t gia xác định thẩm quyền giải quyết cả



dân sự có yếu tố nước ngoài. Vì vậy, tác giả đề nghị cần sửa đổi quy định tại điểm a khoản 2 Điều 410 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2004 theo hướng: Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài trong trường hợp “Bị đơn là cơ quan, tổ chức nước ngoài có trụ sở chính tại Việt Nam hoặc vụ việc liên quan đến hoạt động của cơ quan quản lý, chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam của bị đơn là cơ quan, tổ chức nước ngoài”. Tòa án Việt Nam chỉ nên giải quyết những vụ việc có liên quan đến hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện ở Việt Nam của cơ quan, tổ chức nước ngoài, còn những trường hợp khác thì Tòa án Việt Nam không có thẩm quyền. Vì chỉ có trong quá trình hoạt động các quyền và nghĩa vụ liên quan đến chức năng của cơ quan, tổ chức mới phát sinh và cũng chỉ khi tiến hành các hoạt động tại Việt Nam hoặc có liên quan đến Việt Nam thì mới có cơ sở và điều kiện để tòa án Việt Nam giải quyết các tranh chấp có liên quan. Ví dụ: Đối với công ty Hàn Quốc trên, trong quá trình hoạt động, chi nhánh của công ty Hàn Quốc tại Việt Nam thuê một số căn nhà tại Việt Nam của công dân Việt Nam làm trụ sở của công ty và nếu có phát sinh một tranh chấp về hợp đồng thuê nhà này thì tòa án Việt Nam mới có thẩm quyền giải quyết khi các công dân Việt Nam khởi kiện chi nhánh công ty Hàn Quốc tại Việt Nam. Còn các vụ việc chỉ liên quan đến công ty mẹ tại Hàn Quốc thì tòa án Việt Nam không có thẩm quyền giải quyết.

Thứ hai, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 410 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2004 quy định: Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài trong trường hợp “Bị đơn là công dân nước ngoài, người không quốc tịch cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài tại Việt Nam hoặc có tài sản trên lãnh thổ Việt Nam”.

Như đã phân tích ở trên, quy định này trái với quy định của một số điều ước quốc tế trong lĩnh vực này mà Việt Nam là thành viên. Trong điều kiện toàn cầu hóa như hiện nay, bất kỳ quốc gia nào khi xây dựng hệ thống pháp luật của quốc gia mình đều phải xem xét đến các chuẩn mực pháp lý chung của thế giới sao cho

hệ thống pháp luật quốc gia phải là một bộ phận “ăn khớp” với phần còn lại của pháp luật các nước, có như vậy pháp luật quốc gia mới có thể điều chỉnh các mối quan hệ kinh tế - xã hội liên quốc gia.

Một phần quan trọng các quy phạm pháp luật của Tư pháp quốc tế chứa đựng trong các điều ước quốc tế song phương hoặc đa phương được ký kết giữa các quốc gia. Đó là các quy phạm xung đột trong điều ước quốc tế hoặc các quy phạm thực chất thống nhất và trong mối quan hệ giữa điều ước quốc tế với quy định của pháp luật trong nước, nếu có sự khác biệt thì quy định của điều ước quốc tế luôn được ưu tiên áp dụng. Chính vì vậy, việc ban hành các quy định pháp luật quốc nội tương thích, phù hợp với nội dung của các điều ước quốc tế mà quốc gia đó ký kết hoặc tham gia là một yêu cầu quan trọng trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia, đặc biệt là đối với Việt Nam khi hệ thống pháp luật cho sự vận hành của nền kinh tế thị trường đang trong giai đoạn hình thành và phát triển.

Với những cơ sở trên, chúng ta thấy việc sửa đổi quy định tại điểm b khoản 2 Điều 410 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2004 là hoàn toàn cần thiết. Theo tác giả, quy định này cần điều chỉnh theo hướng tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài trong trường hợp “Bị đơn là công dân nước ngoài, người không quốc tịch có nơi thường trú, tạm trú tại Việt Nam hoặc có tài sản trên lãnh thổ Việt Nam”. Điều này sẽ góp phần hạn chế sự khác biệt giữa hệ thống pháp luật Việt Nam với các cam kết quốc tế của Việt Nam thể hiện một phần trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Thứ ba, quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 410 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2004: Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài trong trường hợp “Vụ việc dân sự về quan hệ dân sự mà căn cứ để xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ đó theo pháp luật nước ngoài hoặc xảy ra ở nước ngoài, nhưng các đương sự đều là công dân, cơ quan tổ chức Việt Nam và nguyên đơn hoặc bị đơn Việt Nam”. Như đã phân tích ở trên, 1



chỉ áp dụng đối với cá nhân chứ không áp dụng đối với tổ chức. Vì vậy, quy định này có thể hiểu theo hai nghĩa:

Nghĩa thứ nhất, Tòa án Việt Nam có thẩm quyền giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài mà căn cứ để xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ đó theo pháp luật nước ngoài hoặc xảy ra ở nước ngoài, nhưng các đương sự đều là công dân, cơ quan, tổ chức Việt Nam và nguyên đơn hoặc bị đơn phải là cá nhân công dân Việt Nam và có nơi cư trú tại Việt Nam. Với cách hiểu này, khi một quan hệ dân sự mà căn cứ để xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ đó theo pháp luật nước ngoài hoặc xảy ra ở nước ngoài, các đương sự đều là công dân, cơ quan, tổ chức Việt Nam; nhưng trong đó không có đương sự (nguyên đơn hoặc bị đơn) nào là cá nhân công dân Việt Nam, có nơi cư trú tại Việt Nam thì tòa án Việt Nam không có thẩm quyền giải quyết (hay nói cách khác nguyên đơn, bị đơn đều là cơ quan, tổ chức Việt Nam, và có ít nhất một bên đương sự có trụ sở chính ở Việt Nam). Cách hiểu này rõ ràng không hợp lý và không có tính khoa học bởi vì không có cơ sở nào để phủ nhận thẩm quyền của tòa án Việt Nam đối với việc giải quyết các vụ việc dân sự mà một trong các bên đương sự (hoặc nguyên đơn hoặc bị đơn) là cơ quan, tổ chức Việt Nam và có trụ sở trên lãnh thổ Việt Nam; thậm chí nếu cả hai bên đương sự đều là cơ quan, tổ chức Việt Nam và đều có trụ sở trên lãnh thổ Việt Nam thì tòa án Việt Nam cũng không có thẩm quyền giải quyết vụ việc. Nếu tòa án Việt Nam không có thẩm quyền giải quyết thì tòa án nước nào có thẩm quyền giải quyết và việc xác định thẩm quyền trong trường hợp này sẽ theo nguyên tắc nào?

Nghĩa thứ hai, Tòa án Việt Nam có thẩm quyền giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài mà căn cứ để xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ đó theo pháp luật nước ngoài hoặc xảy ra ở nước ngoài, nhưng các đương sự đều là công dân, cơ quan, tổ chức Việt Nam và

nguyên đơn hoặc bị đơn có thể là cá nhân công dân Việt Nam, có nơi cư trú tại Việt Nam hoặc nguyên đơn hoặc bị đơn là cơ quan, tổ chức Việt Nam và có ít nhất một bên có trụ sở chính tại Việt Nam. Cách hiểu thứ hai này hợp lý hơn nhưng lại không chính xác với quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 410 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2004 vì cơ quan, tổ chức thì không thể có nơi cư trú mà chỉ có nơi đặt trụ sở chính, nơi đặt trụ sở của chi nhánh, văn phòng đại diện.

Như vậy, để quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 410 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 được hiểu một cách chính xác và có thể áp dụng vào thực tiễn điều chỉnh các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài tác giả đề nghị cần sửa đổi theo hướng Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài trong trường hợp “Vụ việc dân sự về quan hệ dân sự mà căn cứ để xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ đó theo pháp luật nước ngoài hoặc xảy ra ở nước ngoài, nhưng các đương sự đều là công dân, cơ quan, tổ chức Việt Nam và nguyên đơn hoặc bị đơn là cơ quan, tổ chức Việt Nam có trụ sở chính tại Việt Nam, công dân Việt Nam có nơi cư trú tại Việt Nam”.

Xác định thẩm quyền giải quyết của tòa án là một nội dung quan trọng của quá trình giải quyết xung đột pháp luật trong Tư pháp quốc tế. Chính vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam về thẩm quyền giải quyết của tòa án đối với các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài là yêu cầu cần thiết trong quá trình hoàn thiện pháp luật Việt Nam về Tư pháp quốc tế nói riêng và toàn bộ hệ thống pháp luật nói chung.

Tài liệu tham khảo

- [1] Luật Doanh nghiệp Việt Nam, 2005.
- [2] Bộ Luật tố tụng dân sự Việt Nam, 2004.



Some ideas about perfecting clause 2 of Article 410 of the Civil Proceedings 2004

Banh Quoc Tuan

Faculty of Economics and Law, Vietnam National University Ho Chi Minh City

Based on the study regulations of the Civil Proceedings in 2004 and the laws in other relevant, the author posts with some ideas about perfecting clause 2 of Article 410 of the Civil Proceedings of Vietnam in 2004 related to the authority of the Court Vietnam to resolve the civil service with foreign elements.

